

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-PT

Ngày: 10 - 8 - 2018

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn,

Các Thẩm phán: Ông Sùng A Xà

Bà Lò Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Lan Hương - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSTC-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐ-PT ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Khúc Thị M - Sinh năm: 1950, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Khúc Thị M: Công ty Luật TNHH T,

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 58, tổ dân phố 04, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H - Chức vụ: Giám đốc

Người được phân công nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền trực tiếp tham gia tố tụng: Ông Bùi Công L - Nhân viên Công ty Luật TNHH T, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Khúc Thị M: Ông Trần Quốc C (Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH H), có mặt; ông Lê Văn M (Luật sư thuộc Văn phòng luật sư T), có mặt; ông Nguyễn Văn V (Luật sư thuộc Văn phòng luật sư T), vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tầng 18, nhà N, ngõ 89, đường N, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Các bị đơn:

- Bà Đào Thị H, có mặt;

Địa chỉ: Số nhà 69, tổ dân phố 07, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Đào Quý H, vắng mặt;

Địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên).

- Bà Đào Thị Như H, có mặt;

Địa chỉ: Số nhà 58, tổ dân phố 13, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Đào Quốc V, có mặt;

Địa chỉ: Trường tiểu học N, huyện C, tỉnh Điện Biên.

- Bà Đào Thị Như Q, có mặt;

Địa chỉ: Số nhà 58, tổ dân phố 13, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bà Đào Thị Thùy D, vắng mặt;

Địa chỉ: Số nhà 58, tổ dân phố 13, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Đào Sỹ Đ, có mặt;

Địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Anh Đào Ngọc S (Người thừa kế thế vị của bị đơn ông Đào Ngọc T - đã chết), vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 72, tổ dân phố 07, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông Đào Quý H, bà Đào Thị Như H, ông Đào Quốc V, bà Đào Thị Thùy D, ông Đào Sỹ Đ, anh Đào Ngọc S: Bà Đào Thị H, có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 69, tổ dân phố 07, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Đào Thị Như Q: Bà Lê Thị D - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Khúc Thị M trình bày:

Ngày 11/7/2002, bà Khúc Thị M và ông Đào Quốc K kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lai Châu cũ (Nay là UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên). Trước khi kết hôn với bà M, ông Khánh có 08 người con riêng với vợ trước là bà Khúc Thị N, trong đó con cả là ông Đào Ngọc T đã chết, ông T có con đẻ là anh Đào Ngọc S.

Tháng 05 năm 2014, ông K chết và không để lại di chúc phân chia di sản. Ông K không có nghĩa vụ tài sản, di sản của ông K gồm:

- Tiền và hiện vật của ông K được bà M dùng vào việc chi trả tiền mai táng phí và không có tranh chấp;

- Ngôi nhà và quyền sử dụng đất chung của hai vợ chồng tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 59 (Bản đồ lập năm 2010) (Trước đây là thửa số 24b + 25b, tờ bản đồ số 337-b-III), địa chỉ tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; bà M và các con riêng của ông K không thỏa thuận được việc phân chia.

Do bà M và các con riêng của ông K (Bà Đào Thị H, ông Đào Quý H, bà Đào Thị Như H, ông Đào Quốc V, bà Đào Thị Như Q, bà Đào Thị Thùy D, ông Đào Sỹ Đ, ông Đào Ngọc T - đã chết có người thừa kế thế vị là anh Đào Ngọc S) không thống nhất được việc chia di sản thừa kế là căn nhà và quyền sử dụng đất bà M đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 74, tờ bản đồ số 59 (Bản đồ lập năm 2010) (Trước đây là thửa số 24b + 25b, tờ bản đồ số 337-b-III), địa chỉ tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và phần tài sản của ông K được hưởng chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật. Bà M có nguyện vọng được sử dụng nhà, đất và có trách nhiệm thanh toán số tiền được chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho các con riêng của ông K.

Theo bà M, ngôi nhà và quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của ông K có nguồn gốc do ông K nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2003 từ bà Khúc Thị N (Vợ cũ của ông K). Trong quá trình chung sống, bà M có đóng góp số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) để cùng ông K nhiều lần sửa chữa, cải tạo ngôi nhà (Lần sửa chữa gần đây nhất là vào năm 2013). Sau đó bà M đưa tiếp cho ông K 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) để lấy vốn làm ăn. Việc bà M đưa tổng số tiền 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) cho ông K chỉ có hai ông bà biết, không có người làm chứng. Năm 2006, bà M và ông K thống nhất gộp quyền sử dụng đất làm tài sản chung của vợ chồng. Đến ngày 30/5/2006, bà M và ông K đã làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) có xác nhận của UBND phường N và Phòng Tài nguyên và Môi

trường, nhưng do điều kiện khó khăn nên hai ông bà chưa hoàn thiện các thủ tục để được cấp GCNQSDĐ mang tên hai vợ chồng.

2. Tại bản tự khai ngày 26/7/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn bà Đào Thị H trình bày:

Bà Đào Thị H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khúc Thị M vì những lý do sau:

Thứ nhất, quan hệ hôn nhân giữa ông Đào Quốc K và bà Khúc Thị M là quan hệ hôn nhân trái pháp luật. Tại thời điểm bà M đăng ký kết hôn với ông K vào năm 2002, bà M vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân với ông Phạm Xuân L (Có địa chỉ tại: Khu V, thị trấn N, huyện H, tỉnh Thái Bình). Bà M và ông L chung sống với nhau từ năm 1971, có ba con chung là Phạm Thị L, Phạm Thị M và Phạm Văn C. Ngày 26/7/2014, UBND thị trấn N, huyện H, tỉnh Thái Bình xác nhận: Vào khoảng năm 2002, bà M có làm đơn đến UBND thị trấn đề nghị xin ly hôn với ông L, tuy nhiên cho tới nay UBND thị trấn N không nhận được thông báo của tòa án về việc ly hôn của bà Khúc Thị M và ông Phạm Xuân L. Như vậy, mối quan hệ của ông L với bà M là quan hệ vợ chồng được pháp luật thừa nhận là “Hôn nhân thực tế” cho đến ngày ông L chết.

Khi thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn với ông K, bà M xin giấy giới thiệu của Hợp tác xã Dệt len để xác định tình trạng hôn nhân hiện tại của bà M là không đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục đăng ký kết hôn. Việc UBND thị trấn huyện Đ căn cứ vào giấy giới thiệu tình trạng hôn nhân của Hợp tác xã Dệt len để tiến hành việc đăng ký kết hôn cho ông K và bà M khi bà M đang có chồng là vi phạm khoản 1 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông K - bà M không được pháp luật thừa nhận và cần phải hủy việc kết hôn trái pháp luật. Vì vậy, bà M không phải là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất đối với di sản mà ông Đào Quốc K để lại.

Thứ hai, ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 59 - bản đồ lập năm 2010 (trước là thửa số 24b + 25b, tờ bản đồ số 337-b-III) tại tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, là tài sản riêng của ông K. Thửa đất là tài sản chung của ông Đào Quốc K và bà Khúc Thị N. Năm 2001, ông K và bà N ly hôn, khi ly hôn bà N để lại ngôi nhà cho ông K trực tiếp quản lý, sử dụng. Đến năm 2002, bà M đăng ký kết hôn với ông K. Như vậy, ngôi nhà và diện tích đất trên có từ trước khi bà M đăng ký kết hôn với ông K. Việc bà M chỉ căn cứ vào việc có tên mình ở điểm “Tên vợ” trong tờ Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cho rằng ông K đã làm thủ tục nhập khối tài sản riêng của mình vào khối tài sản chung của bà M với ông K là ngộ nhận, không có căn cứ pháp luật.

Đối với nguyện vọng được sử dụng nhà và đất của bà M, bà H có nguyện vọng muốn để nhà và đất này làm nơi thờ cúng hương hỏa cho ông bà tổ tiên nên không nhất trí cho bà Khúc Thị M quản lý, sử dụng nhà và đất.

Đối với di sản thừa kế là tiền, ngày 27/9/2017, bà H có đơn đề nghị Tòa án thành phố Đ thu thập chứng cứ về toàn bộ thông tin tiền gửi tiết kiệm của ông Đào Quốc K tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên. Tòa án nhân dân thành phố Đ đã yêu cầu ngân hàng cung cấp tài liệu chứng cứ, đến ngày 25/10/2017 Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên - Phòng giao dịch N đã có công văn số 1130/BTDV.ĐB-GDKH cung cấp thông tin: Ông Đào Quốc K có gửi tại ngân hàng 02 sổ tiết kiệm có tổng trị giá là 40.000.000 đồng. Ngày 18/6/2014 bà Khúc Thị M (là vợ ông K) đã cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan đến việc ông K đã chết và yêu cầu được thanh toán 02 sổ tiết kiệm đứng tên ông Đào Quốc K. Sau khi tiếp nhận yêu cầu của bà M, cán bộ ngân hàng đã thực hiện đối chiếu hồ sơ, chứng từ và đã thực hiện thanh toán 02 sổ tiết kiệm cho khách hàng theo đúng quy định của ngân hàng. Hiện tại, ông Đào Quốc K không còn bất cứ sổ tiết kiệm nào tại hệ thống Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam. Bà H cũng không có ý kiến gì về khoản tiền tiết kiệm này.

Ngày 28/7/2017, bà Đào Thị H có đơn phản tố với nội dung:

- Không chấp nhận chia di sản thừa kế vì cho rằng tài sản đó là tài sản riêng của ông K, bà M không thuộc hàng thừa kế thứ nhất đối với khối tài sản trên.
- Yêu cầu hủy hôn nhân giữa bà M và ông K vì cho rằng cuộc hôn nhân này trái pháp luật.

Ngày 12/11/2017 bà Đào Thị H có đơn thay đổi yêu cầu phản tố với nội dung: Không công nhận ông Đào Quốc K và bà Khúc Thị M là vợ chồng. Ngoài những ý kiến và yêu cầu phản tố trên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề gì khác và được Tòa án chấp nhận.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và xác định thực trạng tài sản đã xác định thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 59 - bản đồ lập năm 2010 (trước là thửa số 24b + 25b, tờ bản đồ số 337-b-III) tại địa chỉ tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ có tổng diện tích là 95,6 m², vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp hành lang đường V,
- Phía Tây giáp trường Trung học cơ sở N,
- Phía Nam giáp hộ gia đình bà Đào Thị P,
- Phía Bắc giáp hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ,

Trên đất có nhà xây cấp 4 đổ mái bằng có tổng diện tích 41,4 m².

Tại biên bản định giá tài sản ngày 02/11/2017 của Hội đồng thẩm định và định giá, tổng giá trị đất và tài sản trên đất là **2.577.139.000 đồng** (Hai tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSTC-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã căn cứ: Khoản 5 Điều 26, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 633, Điều 634, Điều 645, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 677 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 11, Điều 31, khoản 2 Điều 95 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Khúc Thị M.

* Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đào Thị H.

* Xác định ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 59 - bản đồ lập năm 2010 (trước là thửa số 24b + 25b, tờ bản đồ số 337-b-III) tại địa chỉ tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ có tổng trị giá là **2.577.139.000 đồng** (Hai tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm ba mươi chín nghìn đồng) là tài sản chung của ông Đào Quốc K và bà Khúc Thị M.

* Xác định di sản ông Đào Quốc K để lại là 1/2 giá trị nhà đất ông K được hưởng có trị giá 1.288.569.500 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng). Bà M được hưởng 1/2 giá trị nhà đất là 1.288.569.500 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng).

* Xác định ông Đào Quốc K chết ngày 30/5/2014, hàng thừa kế thứ nhất của ông K gồm bà Khúc Thị M và các con riêng của ông K là: Đào Thị H, Đào Quốc V, Đào Thị Như Q, Đào Thị Như H, Đào Thị Thùy D, Đào Sỹ Đ, Đào Quý H, Đào Ngọc T đã chết - có con đẻ là Đào Ngọc S (Là người thừa kế thế vị của Đào Ngọc T).

* Thừa kế theo pháp luật được chia như sau:

- Chia cho bà Khúc Thị M được hưởng di sản thừa kế là **143.174.389 đồng** (Một trăm bốn mươi ba triệu, một trăm bảy mươi tư nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng).

- Chia cho bà Đào Thị H, bà Đào Thị Như Q, ông Đào Quốc V, bà Đào Thị Thùy D, bà Đào Thị Như H, ông Đào Quý H, ông Đào Sỹ Đ, anh Đào Ngọc S (Là

người thừa kế thế vị của Đào Ngọc T) mỗi người được hưởng di sản thừa kế là **143.174.389 đồng** (*Một trăm bốn mươi ba triệu, một trăm bảy mươi tư nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng*).

Tổng cộng số tiền bà Khúc Thị M được hưởng: 1/2 giá trị nhà đất là 1.288.569.500 đồng + 143.174.389 đồng (Số tiền được chia thừa kế theo quy định pháp luật) = 1.431.743.889 đồng (*Một tỉ, bốn trăm ba một triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng*).

* Bà Khúc Thị M được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng ngôi nhà cấp 4 đồ mái bằng và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 59 - bản đồ lập năm 2010 (Trước là thửa số 24b + 25b, tờ bản đồ số 337-b-III) tại địa chỉ tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, có tổng diện tích là 95,6 m², vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp hành lang đường V,
- Phía Tây giáp trường Trung học cơ sở N,
- Phía Nam giáp hộ gia đình bà Đào Thị P,
- Phía Bắc giáp hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ.

Bà M có trách nhiệm thanh toán số tiền được chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho các con riêng của ông Đào Quốc K là Đào Thị H, Đào Quốc V, Đào Thị Như Q, Đào Thị Thùy D, Đào Thị Như H, Đào Sỹ Đ, Đào Quý H, Đào Ngọc S (Là người thừa kế thế vị của Đào Ngọc T), cụ thể thanh toán cho mỗi người số tiền là 143.174.389 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu, một trăm bảy mươi tư nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, yêu cầu thi hành án và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/4/2018, bà Đào Thị H kháng cáo bản án của cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Đào Quốc K và bà Khúc Thị M; không công nhận ông K và bà M là vợ chồng để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khúc Thị M là chia thừa kế di sản ngôi nhà do ông Đào Quốc K để lại.

Ngày 12/7/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm bà Đào Thị H có đơn rút đơn yêu cầu phản tố đối với yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Đào Quốc K và bà Khúc Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Di sản thừa kế của ông Đào Quốc K cho các đồng thừa kế gồm: Nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 59 (bản đồ lập năm 2010), có địa chỉ tại: Tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Được định giá

theo biên bản định giá ngày 02/11/2017 là: 2.577.139.000 đồng (*Hai tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm ba mươi chín nghìn đồng*). Tài sản trên được thống nhất chia như sau:

1. Về quyền quản lý, sử dụng di sản thừa kế của ông Đào Quốc K:

Di sản trên được các bên đương sự thống nhất giao cho bà Khúc Thị M quản lý, sở hữu, sử dụng ngôi nhà cấp 4 đổ mái bằng và có toàn quyền quản lý, sử dụng đất tại thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 59 (bản đồ lập năm 2010) theo quy định của pháp luật. Quyền quản lý, sở hữu, sử dụng di sản của bà Khúc Thị M chỉ được thực hiện khi bà Khúc Thị M thực hiện xong nghĩa vụ giao số tiền 1.550.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm lăm mươi triệu đồng*) cho bà Đào Thị H, bà Đào Thị Như Q, ông Đào Quốc V, ông Đào Quý H, bà Đào Thị Thùy D, ông Đào Sỹ Đ, anh Đào Ngọc S, bà Đào Thị Như H.

2. Về việc phân chia di sản thừa kế:

- Chia cho các đồng thừa kế là các con của ông K, gồm: Bà Đào Thị H, bà Đào Thị Như Q, ông Đào Quốc V, ông Đào Quý H, bà Đào Thị Thùy D, ông Đào Sỹ Đ anh Đào Ngọc S, bà Đào Thị Như H tổng số tiền là 1.550.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm lăm mươi triệu đồng*), mỗi người được hưởng 193.750.000 đồng (*Một trăm chín mươi ba triệu bảy trăm lăm mươi nghìn đồng*). Phần còn lại 1.027.139.000 đồng (*Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu một trăm ba mươi chín nghìn đồng*) là của bà Khúc Thị M.

- Bà Khúc Thị M có trách nhiệm trả số tiền 1.550.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm lăm mươi triệu đồng*) cho các con của ông K trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập biên bản (Ngày 10/8/2018).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 12/7/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm bà Đào Thị H đã rút yêu cầu phản tố hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Đào Quốc K và bà Khúc Thị M. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 299 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Đào Thị H.

Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; miễn án phí sơ thẩm cho bà Khúc Thị M và bà Đào Thị Như Q. Các bị đơn còn lại phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bà Đào Thị Hương phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 09/4/2018, bà Đào Thị H có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Đào Quốc K và bà Khúc Thị M. Đến ngày 12/7/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo bà Đào Thị Hương xin rút toàn bộ yêu cầu này. Căn cứ theo quy định tại Điều 299 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận yêu cầu của bà H, sửa bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Đào Quốc K và bà Khúc Thị M của bị đơn bà Đào Thị H.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Di sản thừa kế của ông Đào Quốc K cho các đồng thừa kế gồm: Nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 74, tờ bản đồ địa chính số 59 (bản đồ lập năm 2010), có địa chỉ tại: Tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Được định giá theo biên bản định giá ngày 02/11/2017 là: 2.577.139.000 đồng (*Hai tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm ba mươi chín nghìn đồng*). Tài sản trên được thống nhất chia như sau:

1. Về quyền quản lý, sử dụng di sản thừa kế của ông Đào Quốc K:

Di sản trên được các bên đương sự thống nhất giao cho bà Khúc Thị M quản lý, sở hữu, sử dụng ngôi nhà cấp 4 đồ mái bằng và có toàn quyền quản lý, sử dụng đất tại thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 59 (bản đồ lập năm 2010) theo quy định của pháp luật. Quyền quản lý, sở hữu, sử dụng di sản của bà Khúc Thị M chỉ được thực hiện khi bà Khúc Thị M thực hiện xong nghĩa vụ giao số tiền 1.550.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm lăm mươi triệu đồng*) cho bà Đào Thị H, bà

Đào Thị Như Q, ông Đào Quốc V, ông Đào Quý H, bà Đào Thị Thùy D, ông Đào Sỹ Đ, anh Đào Ngọc S, bà Đào Thị Như H.

2. Về việc phân chia di sản thừa kế:

- Chia cho các đồng thừa kế là các con của ông K, gồm: Bà Đào Thị H, bà Đào Thị Như Q, ông Đào Quốc V, ông Đào Quý H, bà Đào Thị Thùy D, ông Đào Sỹ Đ, anh Đào Ngọc S, bà Đào Thị Như H tổng số tiền là 1.550.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm lăm mươi triệu đồng*), mỗi người được hưởng 193.750.000 đồng (*Một trăm chín mươi ba triệu bảy trăm lăm mươi nghìn đồng*). Phần còn lại 1.027.139.000 đồng (*Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu một trăm ba mươi chín nghìn đồng*) là của bà Khúc Thị M.

- Bà Khúc Thị M có trách nhiệm trả số tiền 1.550.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm lăm mươi triệu đồng*) cho các con của ông K trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập biên bản (Ngày 10/8/2018).

Xét thấy thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm số: 06/2018/DSTC-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 các đương sự phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với giá trị tài sản mà các đương sự được hưởng. Ngày 09/8/2018, bà khúc Thị M có đơn xin miễn, giảm án phí, với lý do bà M là thương binh thuộc gia đình chính sách (Có giấy chứng nhận thương binh). Ngày 12/7/2018, bà Đào Thị Như Q có đơn đề nghị miễn án phí với lý do bà Q là người khuyết tật (Có giấy xác nhận khuyết tật của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên). Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Khúc Thị M và bà Đào Thị Như Q.

Các đương sự là bà Đào Thị H, bà Đào Thị Như H, ông Đào Quốc V, bà Đào Thị Thùy D, ông Đào Sỹ Đ, anh Đào Ngọc S, ông Đào Quý H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng là: $193.750.000 \text{ đồng} \times 5 \% = 9.687.500 \text{ đồng}$ (*Chín triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn lăm trăm đồng*).

Bà Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định:

“Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm thì đương sự kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, về án phí dân sự sơ thẩm, nếu các đương sự tự thỏa thuận được với nhau thì các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì Tòa án xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm”.

Do vậy, bà Đào Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 299, Điều 300, Điều 313 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015,

Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bà Đào Thị H về việc đề nghị hủy việc kết hôn giữa ông Đào Quốc K và bà Khúc Thị M.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSTC-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Di sản thừa kế của ông Đào Quốc K cho các đồng thừa kế gồm: Nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 59 (bản đồ lập năm 2010), có địa chỉ tại: Tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Được định giá theo biên bản định giá ngày 02/11/2017 là: 2.577.139.000 đồng (*Hai tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm ba mươi chín nghìn đồng*). Tài sản trên được thống nhất chia như sau:

* Về quyền quản lý, sử dụng di sản thừa kế của ông Đào Quốc K:

Di sản trên được các bên đương sự thống nhất giao cho bà Khúc Thị M quản lý, sở hữu, sử dụng ngôi nhà cấp 4 đồ mái bằng và có toàn quyền quản lý, sử dụng đất tại thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 59 (bản đồ lập năm 2010) theo quy định của pháp luật. Quyền quản lý, sở hữu, sử dụng di sản của bà Khúc Thị M chỉ được thực hiện khi bà Khúc Thị M thực hiện xong nghĩa vụ giao số tiền 1.550.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm lăm mươi triệu đồng*) cho bà Đào Thị H, bà Đào Thị Như Q, ông Đào Quốc V, ông Đào Quý H, bà Đào Thị Thùy D, ông Đào Sỹ Đ, anh Đào Ngọc S, bà Đào Thị Như H.

* Về việc phân chia di sản thừa kế:

- Chia cho các đồng thừa kế là các con của ông K, gồm: Bà Đào Thị H, bà Đào Thị Như Q, ông Đào Quốc V, ông Đào Quý H, bà Đào Thị Thùy D, ông Đào Sỹ Đ, anh Đào Ngọc S, bà Đào Thị Như H tổng số tiền là 1.550.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng*), mỗi người được hưởng 193.750.000 đồng (*Một trăm chín mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Phần còn lại 1.027.139.000 đồng (*Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu một trăm ba mươi chín nghìn đồng*) là của bà Khúc Thị M.

- Bà Khúc Thị M có trách nhiệm trả số tiền 1.550.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng*) cho các con của ông Khánh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập biên bản (Ngày 10/8/2018).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Khúc Thị M và bà Đào Thị Như Q.

Hoàn trả bà khúc Thị M số tiền 2.361.000 đồng (*Hai triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2016/0001415 ngày 13/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Bà Đào Thị H, bà Đào Thị Như H, ông Đào Quốc V, bà Đào Thị Thùy D, ông Đào Sỹ Đ, anh Đào Ngọc S, ông Đào Quý H mỗi người phải chịu 9.687.500 đồng (*Chín triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001590 ngày 06/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai số AA/2016/0001773 ngày 09/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/8/2018).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn